

MAIN
*Multilingual Assessment Instrument
for Narratives*

N. Gagarina, D. Klop, S. Kunnari,
K. Tantele, T. Välimaa,
U. Bohnacker & J. Walters

Vietnamese version

Translated and adapted by
Tue Trinh, Giang Pham, Ben Phạm, Linh
Pham, Hien Hoang, Tan Vu & Mary Vu
(based on the revised version in English)

© ZAS Papers in Linguistics 64 (2020)

How to cite this version – Cách trích dẫn đầy đủ cho tài liệu này:

Trinh, T., Pham, G., Phạm, B., Hoang, H., & Pham, L. (2020). The adaptation of MAIN to Vietnamese. *ZAS Papers in Linguistics*, 64, 263–268 (see this paper for more information about the Vietnamese version).

Gagarina, N., Klop, D., Kunnari, S., Tantele, K., Välimaa, T., Bohnacker, U. & Walters, J. (2019). MAIN: Multilingual Assessment Instrument for Narratives - Revised. Materials for use. *ZAS Papers in Linguistics*, 63. Vietnamese version. Translated and adapted by Trinh, T., Pham, G., Phạm, B., Pham, L., Hoang, H., Vu, T., and Vu, M.

MAIN: Vietnamese version

Công cụ Đánh giá Khả năng Tường thuật Đa ngôn ngữ

Tue Trinh, Giang Pham, Ben Phạm, Linh Pham, Hien Hoang, Tan Vu & Mary Vu

Công cụ Đánh giá Khả năng Tường thuật Đa ngôn ngữ (Multilingual Assessment Instrument for Narratives, MAIN) được thiết kế năm 2012 để đánh giá các kỹ năng tường thuật của trẻ tiếp thu một hay nhiều thứ tiếng từ khi mới sinh hoặc từ khi nhỏ. MAIN đã được triển khai chủ yếu cho trẻ em từ khoảng 3 đến 10 tuổi; nghiên cứu gần đây còn cho biết MAIN cũng có thể dùng với trẻ em lớn hơn, thanh niên và người lớn. Thiết kế của MAIN cho phép đánh giá khả năng hiểu và kể câu chuyện của bằng nhiều ngôn ngữ của một trẻ và với nhiều hình thức gợi tả câu chuyện khác nhau: Nghe Mẫu Câu Chuyện, Kể Lại Câu Chuyện, và Tự Kể Câu Chuyện. Phiên bản 2012 được phát triển dựa vào nghiên cứu thử nghiệm mở rộng với trên 500 trẻ em đơn ngữ hoặc song ngữ trong độ tuổi từ 3 đến 10 đối với 15 ngôn ngữ và các kết hợp ngôn ngữ khác nhau.

Năm 2019, phiên bản tiếng Anh đã được sửa đổi dựa vào hơn 2.500 câu chuyện MAIN được văn bản hoá cũng như khoảng 24.000 câu trả lời cho các câu hỏi hiểu câu chuyện của MAIN, được thu thập từ khoảng 700 trẻ em đơn ngữ và song ngữ ở Đức, Nga và Thụy Điển trong giai đoạn 2013-2019. Phiên bản tiếng Việt hiện tại dựa trên phiên bản tiếng Anh 2019 mới nhất này.

MAIN bao gồm bốn câu chuyện song song, mỗi câu chuyện gồm một chuỗi sáu hình được sắp xếp theo phương thức đa chiều. Các câu chuyện đều được kiểm soát về độ phức tạp nhận thức và ngôn ngữ, về tính tương đương trong cấu trúc tổng quát và cấu trúc chi tiết, cũng như sự phù hợp về văn hóa và ổn định của truyền thống văn hóa.

Mặc dù MAIN chưa được chuẩn hóa, có thể sử dụng các quy trình của MAIN với mục đích đánh giá, can thiệp và nghiên cứu. Hãy đọc thêm chi tiết về cách sử dụng MAIN tại chương “Bối cảnh của MAIN - Bản hiệu chỉnh, cách sử dụng và thích ứng với các ngôn ngữ khác” (được viết bằng tiếng Anh, chapter “Background on MAIN - Revised, how to use it and adapt it to other languages” trong ZAS Papers in Linguistics 63 (2019, trang iv-xii) có thể truy cập tại <https://zaspil.leibniz-zas.de/issue/view/53>.

Tài liệu này bao gồm:

- Hướng dẫn đánh giá
- Biên bản, phiếu chấm điểm cho 4 câu chuyện: Mèo, Chó, Chim con, Dê Con
- Các câu hỏi dành cho phụ huynh
- Kịch bản các câu chuyện

Hướng dẫn Đánh giá

MAIN chủ yếu dành cho trẻ em từ khoảng 3 đến 10 tuổi, nhưng cũng có thể dùng cho những trẻ em lớn hơn, thanh niên, và người lớn. MAIN đánh giá khả năng hiểu và khả năng kể chuyện. MAIN cũng có nhiều cách gợi tả câu chuyện khác nhau: Nghe mẫu câu chuyện, Kể lại câu chuyện, và Tự kể câu chuyện. Sự lựa chọn cách gợi tả (như nghe mẫu/kể lại câu chuyện và sau đó tự kể chuyện khác hoặc chỉ tự kể câu chuyện), tùy thuộc vào mục đích và nhu cầu của việc đánh giá. (Người đánh giá có thể dựa vào quyết định của chính mình).

MAIN được thiết kế để đánh giá nhiều ngôn ngữ khác nhau của một trẻ. Có thể đánh giá ngôn ngữ nào trước cũng được. Đối với trẻ em song ngữ, tốt nhất nên có một khoảng thời gian từ 4 đến 7 ngày giữa hai lần đánh giá, mỗi lần một ngôn ngữ, để giảm thiểu hình hưởng của ngôn ngữ này đối với ngôn ngữ kia cũng như hình hưởng từ việc nhớ cách thực hiện. Tốt nhất, một trẻ song ngữ sẽ được đánh giá bởi hai người đánh giá khác nhau, trong hai buổi khác nhau: mỗi người đánh giá một ngôn ngữ để tạo môi trường đơn ngữ và để hạn chế việc sử dụng hai thứ tiếng trong một buổi.

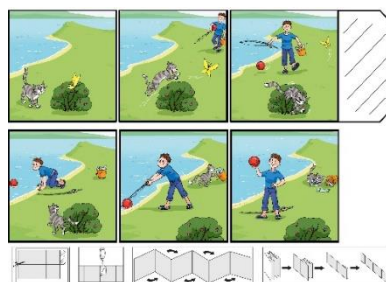
Vật liệu

- 4 chuỗi hình: Chim con, Dê con, Mèo và Chó (Mỗi bộ hình có ba bản (in màu), để riêng mỗi bản trong một phong bì, thành 12 phong bì tất cả).
- 4 kịch bản/ văn bản gợi tả cho 4 câu chuyện: Chim con, Dê con, Mèo và Chó,
- Thiết bị ghi âm hoặc ghi hình
- Biên bản chấm điểm cấu trúc tổng quát, miêu tả tâm trạng, và các câu hỏi hiểu câu chuyện
- Các câu hỏi về tiền sử (Hỏi phụ huynh)

Hướng dẫn

Cách chuẩn bị vật liệu

1. Tải các hình xuống từ trang mạng: www.leibniz-zas.de/en/service-transfer/main
2. In mỗi tài liệu PDF (mỗi chuỗi hình/chuyện) để làm ba bản sao, có màu và trên giấy A4, mỗi hình kích cỡ 9 x 9 cm.
3. Đánh số các hình (1-6) vào mặt sau.
4. Cắt rời hình thành hai hàng.
5. Dán hai hàng với nhau thành một hàng 6 hình như minh họa dưới đây và gấp lại làm hai (hình 1 với hình 2, gấp hình 3 với hình 4, gấp hình 5 với hình 6).
Chú ý: Không cắt và dùng những hình nhỏ từ hướng dẫn gấp hình này.



6. Đặt một chuỗi 6 hình vào một phong bì riêng, đánh dấu bằng màu hoặc một dấu hiệu khác (ví dụ như x) để phân biệt được các câu chuyện khác nhau.

Cách thực hiện đánh giá

- Trước tiên, hãy làm quen với tất cả các biên bản và các hướng dẫn của câu chuyện.
- Chuẩn bị thiết bị ghi âm/hình. Bật máy ghi âm/hình trước giai đoạn khởi đầu. Chú ý ghi âm/hình toàn bộ buổi đánh giá, bao gồm các câu trả lời hiểu câu chuyện.
- Giai đoạn khởi đầu nên được thực hiện dựa theo những kinh nghiệm của người đánh giá và môi trường văn hóa. Khi nói chuyện với trẻ, hãy làm thân với trẻ và đặt một số câu hỏi để chắc chắn rằng trẻ có thể trả lời được những câu hỏi đơn giản như: ai, gì, khi nào, tại sao. Ví dụ như hỏi: Ai là bạn thân của con? Con thích xem gì trên TV? Con có thích kể chuyện không? Con có thích nghe kể chuyện không?
- Đảm bảo rằng ba phong bì chứa cùng một câu chuyện nằm trên bàn trước khi quá trình đánh giá bắt đầu. Mục đích của việc này là làm cho trẻ nghĩ người đánh giá không biết câu chuyện nào nằm trong phong bì, qua đó tránh trường hợp chia sẻ kiến thức trong khi trình bày chuỗi hình.
- Thực hiện đánh giá đúng như hướng dẫn trong biên bản chuyện. Hãy theo sát các đề nghị về việc gợi ý nhắc trẻ kể chuyện (xem phần Nhắc Trẻ Kể Chuyện).
- Hướng dẫn thêm về lúc trình bày các hình: Trong quá trình hỏi, hãy ngồi đối diện trẻ để trẻ cầm hình hướng về trẻ và mặt sau hướng về người đánh giá. Khi trẻ lấy hình khỏi phong bì, hướng dẫn trẻ mở các hình ra và nhìn hết câu chuyện bắt đầu từ hình thứ nhất và nói với trẻ rằng: "Con nhìn vào hình nhưng đừng cho thầy/cô nhìn thấy. Chỉ cần mình con nhìn câu chuyện thôi". (Nếu trẻ không tự cầm hình được hoặc không tự mở được hình, người đánh giá có thể cầm hình dùm trẻ, để mặt sau hướng về người đánh giá và mặt trước hướng về trẻ.)
- Khi trẻ sẵn sàng kể chuyện, giúp trẻ xếp lại hình làm 3 phần như trước. Người đánh giá có thể chỉ cho trẻ cách xếp hình lại trong khi trẻ cầm mà người đánh giá không cần nhìn vào hình. Yêu cầu trẻ vừa nhìn vào hình vừa kể chuyện, bắt đầu bằng hai hình đầu tiên. Sau khi trẻ đã nhìn hình 1 và hình 2 rồi, giúp trẻ mở thêm hai hình tiếp theo (hiện giờ hình 1 đến 4 đều đang được mở). Sau khi trẻ kể xong, giúp trẻ mở thêm hai hình tiếp theo để toàn bộ câu chuyện được mở ra.
- Khi trẻ tự kể chuyện/kể lại chuyện xong, giới thiệu các câu hỏi hiểu câu chuyện, hãy nói: "Bây giờ thầy/cô sẽ hỏi con một số câu hỏi về câu chuyện." Khi đặt câu hỏi, hãy mở ra toàn bộ chuỗi hình để trên bàn cho người đánh giá và trẻ đều nhìn thấy được.
- Sau khi kết thúc buổi hỏi, ghi lại chính xác lời kể chuyện, câu trả lời của trẻ và chấm điểm khả năng kể và hiểu của trẻ trên những bảng điểm.
- **Lưu ý:** Bảng điểm không thể gồm hết những lời trẻ có thể nói. Cho điểm mỗi yếu tố cấu trúc tổng quát (Mục đích, Nội lực, Kết quả, Tâm trạng) mà trẻ diễn đạt được bằng ngôn từ nào thích hợp. Xem thêm phụ lục để được hướng dẫn.

Nhắc trẻ kể chuyện

1. Đừng bắt đầu câu chuyện dùm trẻ, hãy khuyến khích trẻ tự kể chuyện bằng cách nói: "Con kể chuyện đi" (chỉ vào hình).
2. Chỉ nhắc trẻ sau khi đã đợi ít nhất 10 giây và trẻ có vẻ sẽ không tự nói gì cả. Chỉ khi đó hãy nhắc trẻ kể chuyện, bắt đầu bằng những câu như "Nào...", "Đến lượt con...". **RẤT CẦN THẬN** trong khi nhắc trẻ kể chuyện để tránh sự khác nhau giữa các nhóm nghiên cứu, là ảnh hưởng của người đánh giá. Đợi đến 10 giây; nếu trẻ vẫn im lặng, nhắc trẻ bằng câu "Con kể đi, chuyện gì đang xảy ra vậy?" Nếu trẻ ngừng nói giữa câu chuyện, khuyến khích trẻ tiếp tục bằng cách nói "Còn gì nữa không?", "Kể tiếp đi", "Sao nữa?", "Hãy xem chuyện gì xảy ra kế tiếp".
3. Cách trẻ đặt tên cho nhân vật chính của câu chuyện không quan trọng. Đừng sửa sai cho trẻ. Nếu trẻ không tìm được từ để diễn đạt một hành động nào đó, hoặc nhân vật chính nào đó, v.v... và có vẻ bị bế tắc hoặc yêu cầu mình giúp, khuyến khích nó tiếp tục bằng những câu như "Con gọi nó là gì cũng được," hay "Con muốn gọi nó là gì?".
4. Tránh hỏi những câu như:
 - a) "Nó đang làm gì thế?", "Ai đang chạy đấy?"
 - b) "Đây là cái gì?", "Con nhìn thấy cái gì/ai trong hình?"(nhằm tránh đứt đoạn hoặc ảnh hưởng đến lời kể của trẻ, đồng thời để tránh trẻ nói những

câu không đầy đủ hoặc nói “trống không” bằng những từ chỉ trở như “đó”, “đây”)

5. Nếu trẻ bắt đầu kể chuyện riêng của trẻ, ví dụ như "Con nhìn thấy một con chim sáng nay", hay "Tan học con sẽ đi chợ với mẹ...", hãy cho trẻ một chút thời gian để nói chuyện của trẻ trước khi nhắc trẻ kể lại câu chuyện trong các hình. (Bỏ phần không liên quan này ra khỏi việc phân tích.)
6. Dựa trên kinh nghiệm và môi trường văn hoá, người đánh giá có thể khuyến khích trẻ bằng những ngôn từ phù hợp, ví dụ như "Giỏi", "Tốt," sau mỗi cặp hình (và trước khi sang đến cặp hình tiếp theo). (Làm như vậy cũng sẽ giúp người viết câu chuyện thành văn bản liên kết được lời của trẻ với cặp hình nào). Tuy nhiên đừng làm điều này nếu lời khen đó sẽ làm đứt đoạn việc kể chuyện hoặc dòng suy nghĩ của trẻ.

Cách để (không) so sánh kết quả giữa các câu chuyện

- Khi đánh giá trẻ em song ngữ bằng hai ngôn ngữ, tránh sử dụng câu chuyện Mèo/ Chó cho một ngôn ngữ và câu chuyện Chim con/ Dê con cho một ngôn ngữ khác.
- Ngoài ra, tránh sử dụng các câu chuyện về Mèo và/hoặc Chó tại một buổi đánh giá và so sánh chúng với Chim con và / hoặc Dê con tại một buổi khác.
- Tại sao? Những câu chuyện của MAIN không thể so sánh cả bốn câu chuyện với nhau một cách rõ ràng. Như các kết quả gần đây cho biết, bốn câu chuyện đều có một số sắc thái khác nhau, đặc biệt là liên quan đến các câu hỏi hiểu câu chuyện. Chim con và Dê con gần như tương đương; Mèo và Chó cũng tương đương nhưng khác với Chim con và Dê con ở một số khía cạnh, ví dụ như: cốt truyện, số lượng nhân vật và một số câu hỏi hiểu câu chuyện.
Do đó, hãy chắc chắn rằng người đánh giá không so sánh tào với lê.
- Khi sử dụng MAIN để đánh giá các nhóm trẻ, hãy chắc chắn rằng người đánh giá sử dụng các trình tự đối trọng thích hợp, để giảm thiểu tác động của câu chuyện và/hoặc ảnh hưởng của cách gọi tả (kể lại chuyện, nghe mẫu câu chuyện, tự kể chuyện).

Các trình tự đối trọng dành cho mục đích nghiên cứu

Thứ tự trình bày nên được cân bằng giữa ngôn ngữ và câu chuyện (Mèo/Chó - [chủ yếu là] Nghe mẫu/Kể lại câu chuyện và Chim con/Dê Con - [chủ yếu là] tự kể chuyện). Hãy theo tuần tự cân đối dưới đây (nếu chỉ đánh giá một ngôn ngữ thì nên sử dụng trình tự ngẫu nhiên cho trẻ, một là số 1, 2, 5 và 6 hoặc số 3, 4, 7 và 8):

Trẻ số:	Ngôn ngữ thứ nhất: L1, NN thứ hai: L2	Nghe mẫu /Kể lại chuyện	Tự kể chuyện	Ngôn ngữ thứ nhất: L1, NN thứ hai: L2	Nghe mẫu /Kể lại chuyện	Tự kể chuyện
1	L1	Mèo	Chim con	L2	Chó	Dê con
2	L1	Mèo	Dê con	L2	Chó	Chim con
3	L2	Mèo	Dê con	L1	Chó	Chim con
4	L2	Mèo	Chim con	L1	Chó	Dê con
5	L1	Chó	Chim con	L2	Mèo	Dê con
6	L1	Chó	Dê con	L2	Mèo	Chim con
7	L2	Chó	Dê con	L1	Mèo	Chim con
8	L2	Chó	Chim con	L1	Mèo	Dê con

Lưu ý - kết quả cho các câu chuyện và những cách gọi tả khác nhau không thể so sánh được một cách đơn giản (xem ở trên).

Biên bản cho Câu Chuyện Mèo
Tự kể / Kể lại / Nghe mẫu câu chuyện

Tên của trẻ: _____
Ngày tháng năm sinh: _____
Ngày đánh giá: _____
Tuổi lúc đánh giá (theo tháng): _____
Giới tính: _____
Tên người đánh giá: _____
Tiếp cận với L2 (ngôn ngữ thứ 2) (theo tháng): _____
Ngày tháng năm bắt đầu đi nhà trẻ: _____
Tên nhà trẻ: _____

Bảo đảm tất cả các phong bì đều ở trên bàn trước khi bắt đầu. Chuẩn bị thiết bị ghi âm để ghi lại buổi nói chuyện. Bắt đầu ghi âm trước khi khởi đầu.

Khởi đầu

Ví dụ hãy hỏi: Con thích chơi với bạn nào nhất? Con thích xem gì trên TV? Con có thích kể chuyện không? Con có thích nghe kể chuyện không?

Hướng dẫn

Hướng dẫn Tự Kể Câu Chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ : *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi con kể cho thầy/cô nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa?*

Mở 2 hình đầu tiên. Nói với trẻ: *Thầy/cô muốn con tự kể câu chuyện. Hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể một câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được. Có thể dùng gợi ý nếu thấy trẻ chần chừ: “Con kể chuyện đi” (chỉ vào hình). Khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở ra 2 hình tiếp theo (lúc này, trẻ nhìn thấy được hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: “Còn gì khác nữa không?”, “Nói tiếp đi”, “Kể nữa đi”, “Hãy xem còn gì nữa trong chuyện này vậy”. Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: “Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé”.*

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn Kể lại câu chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó con sẽ kể lại cho thầy/cô nghe.*

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây: (chỉ vào hình 1). Một hôm có một con mèo*

ngịch ngợm nhìn thấy một con bướm vàng đậu trên bụi cây. Mèo nhảy đến vì nó muốn bắt con bướm. Đúng lúc đấy một cậu bé vui vẻ đang trên đường đi câu cá về. Cậu bé cầm một cái xô và một quả bóng/trái banh. Cậu nhìn con mèo đuổi theo con bướm.

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Con bướm bay vù đi mất còn con mèo ngã vào trong bụi cây. Nó bị đau và rất tức giận. Cậu bé bị giật mình đến nỗi làm rơi quả bóng/trái banh khỏi tay. Lúc nhìn thấy quả bóng/trái banh của mình lặn xuống nước, cậu bé kêu lên: "Ồi, bóng/banh lặn xuống nước rồi". Cậu bé rất buồn và muốn lấy lại quả bóng/trái banh. Trong khi đó con mèo để ý thấy cái xô của cậu bé và nghĩ: "Mình muốn lấy một con cá."*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Cùng lúc đó cậu bé bắt đầu kéo quả bóng/trái banh ra khỏi nước bằng cái cần câu của mình. Cậu không để ý thấy con mèo đã lấy một con cá. Cuối cùng thì con mèo rất vui sướng vì đã ăn được một con cá ngon lành, còn cậu bé vui mừng vì đã lấy lại được quả bóng/trái banh.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Mở 2 hình đầu tiên cho một mình trẻ nhìn thấy. Nói với trẻ: "*Bây giờ thầy/cô muốn con kể lại câu chuyện. Con hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được.*" Có thể dùng gợi ý nếu trẻ chần chừ: "*Con kể chuyện đi*" (chỉ vào hình). Sau khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở tiếp hình (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: "*Còn gì nữa không?*", "*Tiếp đi*", "*Kể thêm đi*", "*Để xem còn gì trong chuyện nữa nào*". Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: "*Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé.*"

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn Nghe mẫu câu chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe.* Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: *Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó thầy/cô sẽ hỏi con một số câu hỏi về câu chuyện.*

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây:* (chỉ vào hình 1). *Một hôm có một con mèo nghịch ngợm nhìn thấy một con bướm vàng đậu trên bụi cây. Mèo nhảy đến vì nó muốn bắt con bướm. Đúng lúc đấy một cậu bé vui vẻ đang trên đường đi câu cá về. Cậu bé cầm một cái xô và một quả bóng/trái banh. Cậu nhìn con mèo đuổi theo con bướm.*

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Con bướm bay vù đi mất còn con mèo ngã vào trong bụi cây. Nó bị đau và rất tức giận. Cậu bé bị giật mình đến nỗi làm rơi quả bóng/trái banh khỏi tay. Lúc nhìn thấy quả bóng/trái banh của mình lặn xuống nước, cậu bé kêu lên: "Ồi, bóng/banh lặn xuống nước rồi". Cậu bé rất buồn và muốn lấy lại quả bóng/trái banh. Trong khi đó con mèo để ý thấy cái xô của cậu bé và nghĩ: "Mình muốn lấy một con cá."*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Cùng lúc đó cậu bé bắt đầu kéo quả bóng/trái banh ra khỏi nước bằng cái cần câu của mình. Cậu không để ý thấy con mèo đã lấy một con cá. Cuối cùng thì con mèo rất vui sướng vì đã ăn được một con cá ngon lành, còn cậu bé vui mừng vì đã lấy lại được quả bóng/trái banh.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Sau khi nói: "*Và câu chuyện đến đây là hết*", hãy đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Bảng chấm điểm cho Câu Chuyện Mèo

Phần I: Tạo dựng

A. Cấu trúc câu chuyện; B. Độ phức tạp của cấu trúc; C. Tả tâm trạng (TTT)

A. Cấu trúc câu chuyện

		Ví dụ Câu trả lời Đúng ¹	Điểm
A1.	Bối cảnh	Thời gian và/hoặc địa điểm, VD: ngày xưa ngày xưa, một hôm, lâu lắm rồi... ở bên hồ, ở cạnh bờ sông, ở trên đồng cỏ...	0 1 2 ²
<i>Đoạn 1: Mèo (Các nhân vật trong đoạn này: mèo và bướm)</i>			
A2.	TTT khởi đầu	Mèo nghịch ngợm/ tò mò/ Mèo nhìn thấy một con bướm	0 1
A3.	Mục tiêu (M)	Mèo muốn bắt/ đuổi theo con bướm/ chơi với con bướm (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (chụp, bắt, chơi)	0 1
A4.	Nỗ lực (N)	Mèo nhảy lên/ về phía trước Mèo đuổi theo/ bắt đầu đuổi theo Mèo cố gắng + ĐỘNG TỪ (bắt, vồ, chụp)	0 1
A5.	Kết quả (K)	Mèo ngã vào bụi cây/ không bắt được bướm/ mèo không đủ nhanh Bướm thoát/ bay đi/ quá nhanh	0 1
A6.	TTT Phản ứng	Mèo thất vọng/ tức giận/ bị đau Bướm sung sướng/ vui mừng	0 1
<i>Đoạn 2: Cậu bé (Nhân vật trong đoạn này: cậu bé)</i>			
A7.	TTT khởi đầu	Cậu bé buồn/ không vui/ lo lắng về quả bóng/trái banh Cậu bé nhìn thấy quả bóng/trái banh ở dưới nước	0 1
A8.	Mục tiêu (M)	Cậu bé quyết định/ muốn lấy lại quả bóng/trái banh (ĐỀ + ĐỘNG TỪ (lấy))	0 1
A9.	Nỗ lực (N)	Cậu bé kéo/ đang kéo/ cố kéo quả bóng/trái banh ra khỏi nước	0 1
A10.	Kết quả (K)	Cậu bé lấy lại/ có lại được quả bóng/trái banh Quả bóng/trái banh được vớt lên	0 1
A11.	TTT Phản ứng	Cậu bé vui mừng/ sung sướng/ hài lòng/yên tâm (khi lấy lại được quả bóng/trái banh)	0 1
<i>Đoạn 3: Mèo (Nhân vật trong đoạn này: mèo)</i>			
A12.	TTT khởi đầu	Mèo đói bụng/ tò mò/ thèm ăn cá Mèo để ý/ thấy con cá	0 1

¹ Nếu không chắc hoặc lời đáp của trẻ không nằm trong bảng điểm này, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.

² Không điểm nếu trả lời sai hoặc không trả lời, 1 điểm cho một lời đáp đúng, 2 điểm cho lời đáp đề cập đến cả thời gian và địa điểm.

A13.	Mục tiêu (M)	Mèo muốn/ quyết định lấy/ chop/ ăn/ có/ ăn trộm con cá (ĐỀ + ĐỘNG TỪ (ăn, lấy))	0 1
A14.	Nỗ lực (N)	Mèo đã/ đang lấy/ chop/ lôi/ đánh cắp con cá Mèo chop/ lấy con cá (ra khỏi xô)/ trườn tới con cá Mèo cố gắng + ĐỘNG TỪ (lấy, chop)	0 1
A15.	Kết quả (K)	Mèo ăn/ lấy được con cá	0 1
A16.	TTT Phản ứng	Mèo thỏa mãn/ vui sướng/ hài lòng/ no bụng	0 1
A17.	Tổng số điểm trên 17:		

B. Độ phức tạp của cấu trúc

Số lượng chuỗi NK	Số lượng M một mình (không có H hoặc N)	Số lượng chuỗi MN / MK	Số lượng chuỗi MNK
B1.	B2.	B3.	B4.

C. Tả tâm trạng (TTT)

C1.	<p>Tổng số các xuất hiện của TTT. TTT bao gồm:</p> <p>Các khái niệm về giác quan, ví dụ <i>nhìn, nghe, cảm, ngửi</i>;</p> <p>Các khái niệm về cơ thể, ví dụ <i>khát, đói, mệt, đau, rên</i>;</p> <p>Các khái niệm về ý thức, ví dụ <i>sống, tỉnh, ngủ</i>;</p> <p>Các khái niệm về cảm xúc, ví dụ <i>buồn, vui, sung sướng, giận, lo lắng, thất vọng, sợ, hoảng hốt, kiêu hãnh, can đảm, (cảm giác) an toàn, hài lòng, ngạc nhiên; giật mình</i></p> <p>Động từ tả hoạt động trí óc, ví dụ <i>muốn, nghĩ, biết, quên, quyết định, tin, băn khoăn, định</i>;</p> <p>Động từ phát ngôn, ví dụ <i>nói, gọi, kêu, chình cáo, hỏi</i>.</p>
------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phần II: Khả năng Hiểu

		Ví dụ câu trả lời đúng	Ví dụ câu trả lời sai	Điểm
0	Con có thích câu chuyện không?	Câu hỏi khởi đầu, không tính điểm		
D1.	Tại sao con mèo lại nhảy/ lao lên phía trước? (chỉ vào hình 1 - 2) (Đoạn 1: Mục tiêu)	Muốn bắt/ đuổi theo con bướm/ chơi với con bướm. Muốn có con bướm. (ĐỂ) + ĐỘNG TỪ (vồ, bắt) con bướm	Bỏ đi/ chạy đi/ muốn nhảy Mèo luôn luôn chạy/ nhảy	0 1
D2.	Con mèo cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 3) (TTT Phản ứng)	Tức giận/ chán/ thất vọng/ bị thương/ bị đau/ không ổn/ không thoải mái	vui/ sung sướng	0 1
D3.	(Chỉ hỏi D3 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D2. Nếu trẻ giải thích đúng ở D2 thì cho một điểm ở D3 và hỏi tiếp ở D4.) Tại sao con nghĩ là con mèo cảm thấy tức giận/ thất vọng/ bị đau...? ³	Tại vì nó không bắt được con bướm/ nó ngã vào bụi cây/ ngã vào bụi gai thì đau. Con bướm vụt bay/ đi mất	Trả lời không phù hợp/ không liên quan	0 1
D4.	Tại sao cậu bé giờ cần câu vào nước? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 2: Mục tiêu)	Muốn có/ lấy quả bóng/trái banh của mình. Muốn có bóng của mình (trở lại) (ĐỂ) + ĐỘNG TỪ (nắm, lấy) quả bóng/trái banh (trở lại, vờ)	Đề nghị nước	0 1
D5.	Cậu bé cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Vui/ tốt/ mừng/ thỏa mãn/ hài lòng	Chán/ tức/ bực/ buồn	0 1
D6.	(Chỉ hỏi D6 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D5. Nếu trẻ giải thích đúng ở D5 thì cho một điểm ở D6 và hỏi tiếp D7.)	Vì cậu có/ lấy lại được quả bóng/trái banh bay. Có thể/ đã + ĐỘNG TỪ (có, lấy)	Vì cậu ấy cười/ trông cậu ấy có vẻ như thế/ Vì cậu ấy đang đứng/ hoặc trả lời không phù hợp khác	0 1

³ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D2.

	Tại sao con nghĩ là cậu bé cảm thấy vui/ tốt/ mừng/ thỏa mãn...? ⁴			
D7.	Tại sao con mèo lấy con cá? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 3: Mục tiêu)	Quyết định/ muốn ăn/ có/ ăn trộm/ con cá. Lợi dụng cơ hội/ thời cơ lúc cậu bé không để ý. Bắt không được bướm/ Không thể bắt/ chộp được bướm. Mèo thích cá (nghĩa chung). Cá rất ngon miệng.	Muốn chơi với con cá	0 1
D8.	Thử tưởng tượng cậu bé nhìn thấy con mèo. Cậu bé sẽ cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Buồn/ tức/ bực/ không vui	Vui/ tốt/ sướng/ thỏa mãn/ hài lòng	0 1
D9.	(Chỉ hỏi D9 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D8. Nếu trẻ giải thích đúng ở D8 thì cho một điểm ở D9 và hỏi tiếp D10.) Tại sao con lại nghĩ là cậu bé cảm thấy buồn/ tức/ bực ...? ⁵	Vì con mèo đã/ đang ăn/ lấy mất con cá của cậu bé. Cậu bé muốn ăn / có cá (một mình) Đó là cá của cậu bé.	Cần câu ở dưới đất hoặc trả lời không phù hợp khác	0 1
D10.	Cậu bé có làm bạn với con mèo không? Tại sao?	Không - đưa ra ít nhất một lí do (mèo ăn mất/ cắn mất cá) hoặc bất kỳ một câu trả lời phù hợp khác	Có/ Con không biết/ trả lời không liên quan	0 1
D11.	Tổng số điểm trên 10:			

⁴ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D5.

⁵ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D8.

Biên bản cho Câu Chuyện Chó
Tự kể / Kể lại / Nghe mẫu câu chuyện

Tên của trẻ: _____
Ngày tháng năm sinh: _____
Ngày đánh giá: _____
Tuổi lúc đánh giá (theo tháng): _____
Giới tính: _____
Tên người đánh giá: _____
Tiếp cận với L2 (ngôn ngữ thứ 2) (theo tháng): _____
Ngày tháng năm bắt đầu đi nhà trẻ: _____
Tên nhà trẻ: _____

Bảo đảm tất cả các phong bì đều ở trên bàn trước khi bắt đầu. Chuẩn bị thiết bị ghi âm để ghi lại buổi nói chuyện. Bắt đầu ghi âm trước khi khởi đầu.

Khởi đầu

Ví dụ hãy hỏi: Bạn thân nhất của con là ai? Con thích xem gì trên TV? Con có thích kể chuyện không? Con có thích nghe kể chuyện không?

Hướng dẫn

Hướng dẫn Tự kể chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ : *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi con kể cho thầy/cô nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa?*

Mở 2 hình đầu tiên. Nói với trẻ: *Thầy/cô muốn con tự kể câu chuyện. Hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể một câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được. Có thể dùng gợi ý nếu thấy trẻ chần chừ: “Con kể chuyện đi” (chỉ vào hình). Khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở ra 2 hình tiếp theo (lúc này, trẻ nhìn thấy được hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: “Còn gì khác nữa không?”, “Nói tiếp đi”, “Kể nữa đi”, “Hãy xem còn gì nữa trong chuyện này vậy”. Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: “Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé”.*

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn Kể Lại chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe. Sau đó, mở những bức hình sao cho riêng trẻ nhìn được cả câu chuyện. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó con sẽ kể lại nhé. (Còn nếu chọn phương cách Nghe mẫu thì nói: Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó sẽ hỏi con một số câu hỏi nhé. Kể cho trẻ nghe câu chuyện và sau đó đặt những câu hỏi về khả năng hiểu câu chuyện.)*

Mở hình 1 và 2. Câu chuyện bắt đầu từ đây: (chỉ vào hình 1). Một hôm có một con chó nghịch ngợm nhìn thấy một con chuột xám ngồi ở gần một cái cây. Nó nhảy đến vì muốn bắt con chuột. Đúng lúc đó một cậu bé vui vẻ đang trên đường đi mua đồ về. Cậu bé cầm một cái túi và một quả bóng bay/ bong bóng trên tay. Cậu nhìn con chó đuổi theo con chuột.

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Con chuột chạy vù đi mất còn con chó đâm vào gốc cây. Nó bị đau và rất tức giận. Cậu bé thì bị giật mình đến nỗi làm tuột quả bóng bay/ bong bóng khỏi tay. Lúc nhìn thấy quả bóng của mình bay lên cây, cậu bé kêu lên: "Ôi, bóng bay lên cây rồi". Cậu bé rất buồn và muốn lấy lại quả bóng/bong bóng. Trong khi đó con chó để ý thấy cái túi của cậu bé và nghĩ: "Minh muốn lấy một cái xúc xích."

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). Cùng lúc đấy cậu bé bắt đầu kéo quả bóng bay/ bong bóng xuống khỏi cái cây. Cậu không để ý thấy con chó đã lấy một cái xúc xích. Cuối cùng con chó rất vui sướng vì đã ăn được một cái xúc xích ngon lành còn cậu bé vui mừng vì lấy lại được quả bóng bay/ bong bóng.

Và câu chuyện đến đây là hết.

Mở 2 hình đầu tiên cho một mình trẻ nhìn thấy. Nói với trẻ: "Bây giờ thầy/cô muốn con kể lại câu chuyện. Con hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được." Có thể dùng gợi ý nếu trẻ chần chừ: "Con kể chuyện đi" (chỉ vào hình). Sau khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở tiếp hình (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: "Còn gì nữa không?", "Tiếp đi", "Kể thêm đi", "Để xem còn gì trong chuyện nữa nào". Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: "Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé."

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn cho Nghe mẫu

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó thầy/cô sẽ hỏi con một số câu hỏi về câu chuyện.

Mở hình 1 và 2. Câu chuyện bắt đầu từ đây: (chỉ vào hình 1). Một hôm có một con chó nghịch ngợm nhìn thấy một con chuột xám ngồi ở gần một cái cây. Nó nhảy đến vì muốn bắt con chuột. Đúng lúc đó một cậu bé vui vẻ đang trên đường đi mua đồ về. Cậu bé cầm một cái túi và một quả bóng bay/ bong bóng trên tay. Cậu nhìn con chó đuổi theo con chuột.

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Con chuột chạy vù đi mất còn con chó đâm vào gốc cây. Nó bị đau và rất tức giận. Cậu bé thì bị giật mình đến nỗi làm tuột quả bóng bay/ bong bóng khỏi tay. Lúc nhìn thấy quả bóng của mình bay lên cây, cậu bé kêu lên: "Ôi, bóng bay lên cây rồi". Cậu bé rất buồn và muốn lấy lại quả bóng/bong bóng. Trong khi đó con chó để ý thấy cái túi của cậu bé và nghĩ: "Minh muốn lấy một cái xúc xích."

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). Cùng lúc đấy cậu bé bắt đầu kéo quả bóng bay/ bong bóng xuống khỏi cái cây. Cậu không để ý thấy con chó đã lấy một cái xúc xích. Cuối cùng con chó rất vui sướng vì đã ăn được một cái xúc xích ngon lành còn cậu bé vui mừng vì lấy lại được quả bóng bay/ bong bóng.

Và câu chuyện đến đây là hết.

Sau khi nói: "Và câu chuyện đến đây là hết", hãy đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Bảng chấm điểm cho Câu Chuyện Chó

Phần I: Tạo dựng

A. Cấu trúc câu chuyện; B. Độ phức tạp của cấu trúc; C. Tả tâm trạng (TTT)

A. Cấu trúc chuyện

		Ví dụ Câu trả lời Đúng ⁶	Điểm
A1.	Bối cảnh	Thời gian và/hoặc địa điểm được nhắc đến, VD: ngày xưa ngày xưa, một hôm, lâu lắm rồi... ở trong rừng/ công viên/ trên đồng cỏ/ bên cạnh cây/ ở gần cây/ cạnh đường	0 1 2 ⁷
<i>Đoạn 1: Chó (Các nhân vật trong đoạn này: chó và chuột)</i>			
A2.	TTT khởi đầu	Chó nghịch ngợm/ tò mò Chó nhìn thấy một con chuột	0 1
A3.	Mục tiêu (M)	Chó muốn vồ/ bắt/ đuổi theo chuột/ chơi với chuột (ĐỀ + ĐỘNG TỪ (vồ, bắt, chơi))	0 1
A4.	Nỗ lực (N)	Chó nhảy lên/ về phía trước Chó đuổi theo/ bắt đầu đuổi theo Chó cố gắng + ĐỘNG TỪ (bắt, vồ, chụp)	0 1
A5.	Kết quả (K)	Chó bị đập đầu/ đâm vào gốc cây/không bắt được chuột/ chó không đủ nhanh Chuột thoát/ chạy ra sau cái cây/ chuột quá nhanh	0 1
A6.	TTT Phản ứng	Chó thất vọng/ tức giận/ bị đau Chuột sung sướng/ vui mừng/ yên tâm	0 1
<i>Đoạn 2: Cậu bé (Nhân vật trong phân cảnh: cậu bé)</i>			
A7.	TTT khởi đầu	Cậu bé buồn/ không vui/ lo lắng về quả bóng bay/ bong bóng Cậu bé nhìn thấy quả bóng bay/ bong bóng ở trên cây	0 1
A8.	Mục tiêu (M)	Cậu bé quyết định/ muốn lấy lại quả bóng bay/ bong bóng (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (lấy, lấy lại)	0 1
A9.	Nỗ lực (N)	Cậu bé kéo/ cố kéo quả bóng bay/ bong bóng từ trên cây xuống Cậu bé nhảy theo quả bóng bay/ bong bóng/ với tới (quả bóng bay/ bong bóng)/ đã/đang trèo lên (cây)	0 1

⁶ Nếu không rõ chắc đúng sai hoặc lời đáp của trẻ không nằm trong bảng tính điểm này, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.

⁷ 0 điểm nếu trả lời sai hoặc không có trả lời, 1 điểm cho một câu trả lời đúng, 2 điểm cho câu trả lời có đề cập đến cả thời gian và địa điểm.

A10.	Kết quả (K)	Cậu bé lấy lại/ có lại được quả bóng bay/ bong bóng Quả bóng được cứu /được khều/được vớt lại	0 1
A11.	TTT Phản ứng	Cậu bé vui mừng/ sung sướng/ hài lòng/ thỏa mãn/ yên tâm (khi lấy lại được quả bóng bay/ bong bóng)	0 1
<i>Đoạn 3: Chó (Nhân vật trong phân cảnh: Chó)</i>			
A12.	TTT khởi đầu	Chó để ý thấy/ nhìn thấy xúc xích (trong túi) Chó đói bụng/ tò mò/ thèm/ nhìn chăm chăm vào xúc xích	0 1
A13.	Mục tiêu (M)	Chó muốn/ quyết định lấy/ chộp/ ăn/ có/ ăn trộm xúc xích (ĐỀ + ĐỘNG TỪ (ăn, lấy))	0 1
A14.	Nỗ lực (N)	Chó đã/đang lấy/ chộp/ lôi. ăn trộm xúc xích từ trong túi Chó lấy/ chộp/ lôi xúc xích từ (ra từ trong túi)/ vói tới xúc xích Chó cố để + ĐỘNG TỪ (lấy, chộp)	0 1
A15.	Kết quả (K)	Chó ăn/ lấy được xúc xích	0 1
A16.	TTT Phản ứng	Chó thỏa mãn/ vui sướng/ hài lòng/ no bụng/ không còn đói nữa	0 1
A17.		Tổng số điểm trên 17:	

B. Độ phức tạp của cấu trúc

Số lượng chuỗi NK	Số lượng M một mình (không có H hoặc N)	Số lượng chuỗi MN / MK	Số lượng chuỗi MNK
B1.	B2.	B3.	B4.

C. Tả tâm trạng (TTT)

C1.	<p>Tổng số các xuất hiện của TTT. TTT bao gồm:</p> <p>Các khái niệm về giác quan, ví dụ <i>nhìn, nghe, cảm, ngửi</i>;</p> <p>Các khái niệm về cơ thể, ví dụ <i>khát, đói, mệt, đau, rên</i>;</p> <p>Các khái niệm về ý thức, ví dụ <i>sống, tỉnh, ngủ</i>;</p> <p>Các khái niệm về cảm xúc, ví dụ <i>buồn, vui, sung sướng, giận, lo lắng, thất vọng, sợ, hoảng hốt, kiêu hãnh, can đảm, (cảm giác) an toàn, hài lòng, ngạc nhiên</i>;</p> <p>Động từ tả hoạt động trí óc, ví dụ <i>muốn, nghĩ, biết, quên, quyết định, tin, bản khoăn, định</i>;</p> <p>Động từ phát ngôn, ví dụ <i>nói, gọi, kêu, chình cáo, hỏi</i>.</p>	
-----	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

Phần II: Khả năng Hiểu

		Ví dụ câu trả lời đúng	Ví dụ câu trả lời sai	Điểm
0	Con có thích câu chuyện không ?	Câu hỏi khởi đầu, không tính điểm		
D1.	Tại sao con chó lại nhảy/ lao lên phía trước? (chỉ vào hình 1 - 2) (Đoạn 1: Mục tiêu)	Muốn bắt/ vồ/ đuổi theo con chuột/ để chơi với con chuột. Muốn có con chuột. (Để) + ĐỘNG TỪ (vồ, bắt) con chuột	Bỏ đi/ chạy đi/ muốn nhảy Chó luôn luôn thích nhảy	0 1
D2.	Con chó cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 3) (TTT Phản ứng)	Tức giận/ chán/ thất vọng/ bị thương/ bị đau/ không ổn/ không thoải mái	vui/ sung sướng	0 1
D3.	(Chỉ hỏi D3 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D2. Nếu trẻ giải thích đúng ở D2 thì cho một điểm ở D3 và hỏi tiếp ở D4.) Tại sao con nghĩ là con chó cảm thấy tức giận/ thất vọng/ bị đau...? ⁸	Nó không bắt được con chuột/ nó bị đập đầu/ đâm vào gốc cây Đâm vào gốc cây thì đau. Con chuột tẩu thoát/ chạy mất	Trả lời không phù hợp/ không liên quan	0 1
D4.	Tại sao cậu bé lại nhảy lên? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 2: Mục tiêu)	Muốn có/ lấy lại quả bóng bay/ bong bóng. Muốn (lấy lại) quả bóng bay/ bong bóng (Để) + ĐỘNG TỪ (nhắm, lấy) quả bóng (trở lại, về)	Để trèo lên cái cây/ trèo cây	0 1
D5.	Cậu bé cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Vui/ tốt/ mừng/ thỏa mãn/ hài lòng	Chán/ tức/ bức/ buồn	0 1
D6.	(Chỉ hỏi D6 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D5. Nếu trẻ giải thích đúng ở D5 thì cho một điểm ở D6 và hỏi tiếp D7.) Tại sao con lại nghĩ là cậu bé cảm thấy vui/ sướng...? ⁹	Cậu có/ lấy lại được quả bóng bay/ bong bóng. Có thể/ đã + ĐỘNG TỪ (có, lấy)	Cậu ấy cười/ Nhìn/trông cậu ấy có vẻ như thế/ vì cậu ấy đang đứng/ hoặc trả lời không phù hợp khác	0 1

⁸ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D2.

⁹ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D5.

D7.	Tại sao con chó lại vồ xúc xích? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 3: Mục tiêu)	Quyết định/ muốn ăn/ có/ ăn trộm xúc xích Lợi dụng cơ hội/ thời cơ lúc cậu bé không để ý. Bắt không được chuột. Đã không thể bắt/ chụp được chuột Chó thích xúc xích/ thịt (nghĩa chung) Xúc xích rất ngon miệng	Muốn chơi với cái túi	0	1
D8.	Thử tưởng tượng là cậu bé nhìn thấy con chó. Cậu bé sẽ cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Buồn/ tức/ bực/ không vui/ không tốt	Vui/ tốt/ sướng/ thỏa mãn/ hài lòng	0	1
D9.	(Chỉ hỏi D9 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D8. Nếu trẻ giải thích đúng ở D8 thì cho một điểm ở D9 và hỏi tiếp D10.) Tại sao con lại nghĩ là cậu bé cảm thấy buồn/ tức/ bực...? ¹⁰	Con chó đã/ đang ăn/ lấy/ đã lấy mất xúc xích của cậu bé. Cậu bé muốn ăn/ có xúc xích (một mình). Đó là xúc xích của cậu bé.	Trả lời không phù hợp	0	1
D10.	Cậu bé có làm bạn với con chó không? Tại sao?	Không - đưa ra ít nhất một lí do (chó ăn mất/ ăn cắp /lấy cắp/ mất xúc xích) hoặc bất kỳ một câu trả lời phù hợp khác	Có/ Con không biết/ bất kỳ một câu trả lời không liên quan khác	0	1
D11.	Tổng số điểm trên 10:				

¹⁰ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con bé đã đáp lời ở phần D8.

Biên bản cho Câu Chuyện Chim con

Tự kể / Kể lại / Nghe mẫu câu chuyện

Tên của trẻ: _____

Ngày tháng năm sinh: _____

Ngày đánh giá: _____

Tuổi lúc đánh giá (theo tháng): _____

Giới tính: _____

Tên người đánh giá: _____

Tiếp cận với L2 (ngôn ngữ thứ 2) (theo tháng): _____

Ngày tháng năm bắt đầu đi nhà trẻ: _____

Tên nhà trẻ: _____

Bảo đảm tất cả các phong bì đều ở trên bàn trước khi bắt đầu. Chuẩn bị thiết bị ghi âm để ghi lại buổi nói chuyện. Bắt đầu ghi âm trước khi khởi đầu.

Khởi đầu

Ví dụ hãy hỏi: Bạn thân nhất của con là ai? Con thích xem gì trên TV? Con có thích kể chuyện không? Con có thích nghe kể chuyện không?

Hướng dẫn

Hướng dẫn Tự kể chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ : *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi con kể cho thầy/cô nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa?*

Mở 2 hình đầu tiên. Nói với trẻ: *Thầy/cô muốn con tự kể câu chuyện. Hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể một câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được. Có thể dùng gợi ý nếu thấy trẻ chần chừ: “Con kể chuyện đi” (chỉ vào hình). Khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở ra 2 hình tiếp theo (lúc này, trẻ nhìn thấy được hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: “Còn gì khác nữa không?”, “Nói tiếp đi”, “Kể nữa đi”, “Hãy xem còn gì nữa trong chuyện này vậy”. Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: “Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé”.*

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn Kể Lại chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe. Sau đó, mở những bức hình sao cho riêng trẻ nhìn được cả câu chuyện. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó con sẽ kể lại nhé. (Còn nếu chọn phương cách Nghe mẫu thì nói: Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó sẽ hỏi con một số câu hỏi nhé. Kể cho trẻ nghe câu chuyện*

và sau đó đặt những câu hỏi về khả năng hiểu câu chuyện.)

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây: (chỉ vào hình 1). Một hôm có một chim mẹ, nhìn thấy chim con đói bụng. Chim mẹ bay đi vì muốn tìm đồ ăn cho chúng. Một con mèo đói bụng nhìn thấy chim mẹ bay đi và nghĩ: “Thật tuyệt, tôi thấy được những gì ở trong tổ đây?”*

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Chim mẹ quay lại với một con giun to cho các con, nhưng nó không nhìn thấy con mèo. Nó vui mừng vì đã kiếm được con giun ngon lành cho chim con. Trong lúc đó, con mèo dữ dằn bắt đầu trèo lên cây vì nó muốn bắt một con chim con. Nó vồ được một con chim con. Một con chó dững cằm đi ngang qua nhìn thấy chim gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn con mèo và cứu chim.*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Nó nói với con mèo: “Hãy thả chim con ra”. Sau đó nó vồ lấy đuôi con mèo và kéo nó xuống. Con mèo buông ra con chim con và con chó đuổi nó đi. Con chó rất vui mừng vì đã cứu được chim. Còn con mèo thì vẫn đói bụng.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Mở 2 hình đầu tiên cho một mình trẻ nhìn thấy. Nói với trẻ: *“Bây giờ thầy/cô muốn con kể lại câu chuyện. Con hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được.”* Có thể dùng gợi ý nếu trẻ chần chừ: *“Con kể chuyện đi”* (chỉ vào hình). Sau khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở tiếp hình (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: *“Còn gì nữa không?”, “Tiếp đi”, “Kể thêm đi”, “Để xem còn gì trong chuyện nữa nào”*. Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: *“Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé.”*

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn cho Nghe mẫu

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe.* Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: *Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó thầy/cô sẽ hỏi con một số câu hỏi về câu chuyện.*

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây: (chỉ vào hình 1). Một hôm có một chim mẹ, nhìn thấy chim con đói bụng. Chim mẹ bay đi vì muốn tìm đồ ăn cho chúng. Một con mèo đói bụng nhìn thấy chim mẹ bay đi và nghĩ: “Thật tuyệt, tôi thấy được những gì ở trong tổ đây?”*

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Chim mẹ quay lại với một con giun to cho các con, nhưng nó không nhìn thấy con mèo. Nó vui mừng vì đã kiếm được con giun ngon lành cho chim con. Trong lúc đó, con mèo dữ dằn bắt đầu trèo lên cây vì nó muốn bắt một con chim con. Nó vồ được một con chim con. Một con chó dững cằm đi ngang qua nhìn thấy chim gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn con mèo và cứu chim.*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Nó nói với con mèo: “Hãy thả chim con ra”. Sau đó nó vồ lấy đuôi con mèo và kéo nó xuống. Con mèo buông ra con chim con và con chó đuổi nó đi. Con chó rất vui mừng vì đã cứu được chim. Còn con mèo thì vẫn đói bụng.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Sau khi nói: *“Và câu chuyện đến đây là hết”*, hãy đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Bảng chấm điểm cho Câu Chuyện Chim con

Phần I: Tạo dựng

A. Cấu trúc câu chuyện; B. Độ phức tạp của cấu trúc; C. Tả tâm trạng (TTT)

A. Cấu trúc chuyện

		Ví dụ Câu trả lời Đúng ¹¹	Điểm
A1.	Bối cảnh	Thời gian và/hoặc địa điểm được nhắc đến, VD: ngày xưa ngày xưa, một hôm, lâu lắm rồi... ở trong rừng/ ở trên đồng cỏ/ trong vườn/ ở cánh ruộng/ trên tổ chim/ trên cây	0 1 2 ¹²
<i>Đoạn 1: Con Chim/ Chim mẹ (Các nhân vật trong đoạn này: chim mẹ và chim con)</i>			
A2.	TTT khởi đầu	Chim con đói/ muốn ăn/ đòi ăn/ xin đồ ăn <Chim mẹ/ Mẹ...> thấy chim con đói bụng/ muốn ăn	0 1
A3.	Mục tiêu (M)	Chim mẹ muốn cho chim con ăn/ bắt/ mang về/ tìm thấy đồ ăn/ giun (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (tìm đồ ăn)	0 1
A4.	Nỗ lực (N)	Chim mẹ bay đi/ đi ra/ đi tìm đồ ăn/ đi lấy đồ ăn Chim mẹ cố gắng + ĐỘNG TỪ (tìm đồ ăn)	0 1
A5.	Kết quả (K)	Chim mẹ tìm được/ bắt được/ quay lại với đồ ăn/ một con giun/ cho chim con ăn Chim con có đồ ăn/ một con giun	0 1
A6.	TTT Phản ứng	Chim mẹ vui/ thỏa mãn/ hài lòng Chim con vui/ thỏa mãn//hết đói	0 1
<i>Đoạn 2: Mèo (Các nhân vật trong đoạn này: mèo và (các) chim con)</i>			
A7.	TTT khởi đầu	Mèo nhìn thấy chim mẹ bay đi/ nhìn thấy chim con một mình/ thấy có đồ ăn Mèo đói bụng/ mèo nghĩ "ngon thật"	0 1
A8.	Mục tiêu (M)	Mèo muốn ăn thịt/ bắt / giết (các) chim con (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (ăn, bắt, giết, chộp)	0 1
A9.	Nỗ lực (N)	Mèo đã/đang trèo lên cây/ Mèo cố với tới/ bắt chim con Mèo trèo lên/ nhảy lên (cây)	0 1
A10.	Kết quả (K)	Mèo chộp/ lấy chim con Mèo đã gần như/ sắp sửa + ĐỘNG TỪ (bắt, lấy, chộp)	0 1

¹¹ Nếu không rõ chắc đúng sai hoặc lời đáp của trẻ không nằm trong bảng tính điểm này, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.

¹² 0 điểm nếu trả lời sai hoặc không có trả lời, 1 điểm cho một câu trả lời đúng, 2 điểm cho câu trả lời có đề cập đến cả thời gian và địa điểm.

A11.	TTT Phản ứng	Mèo vui sướng Chim/ Chim/ Chim con sợ/ khóc/ la / hét lên vì đau	0 1
<i>Đoạn 3: Chó (Nhân vật trong phân chình: chó, mèo, (các) chim con)</i>			
A12.	TTT khởi đầu	Chó nhìn thấy chim gặp nguy hiểm/ thấy mèo bắt chim Chim con đã gặp nguy hiểm	0 1
A13.	Mục tiêu (M)	Chó muốn/ quyết định chặn mèo lại Chó muốn/ quyết định giúp/ bảo vệ/ cứu (các) chim con (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (chặn, cứu, giúp)	0 1
A14.	Nỗ lực (N)	Chó đã/ đang kéo/ lôi mèo xuống/ cắn/ tấn công mèo/ chộp đuôi mèo. Chó kéo/ lôi mèo xuống, cắn/ tấn công mèo/ chộp đuôi mèo Chó cố gắng + ĐỘNG TỪ (kéo, lôi, kéo xuống)	0 1
A15.	Kết quả (K)	Chó đuổi được mèo (đi)/ hù, dọa đuổi con mèo chạy mất Mèo buông/ thả chim ra/ chạy mất Chim được cứu/ giải thoát	0 1
A16.	TTT Phản ứng	Chó yên tâm/ vui / hãnh diện (vì cứu được chim con) Mèo tức giận/ thất vọng/ không vui/ bực/ sợ/ bị đau/ bị đau cái đuôi Chim yên tâm/ vui sướng/ an toàn Chim mẹ yên tâm/ vui sướng	0 1
A17.	Tổng số điểm trên 17:		

B. Độ phức tạp của cấu trúc

Số lượng chuỗi NK	Số lượng M một mình (không có H hoặc N)	Số lượng chuỗi MN / MK	Số lượng chuỗi MNK
B1.	B2.	B3.	B4.

C. Tả tâm trạng (TTT)

C1.	<p>Tổng số các xuất hiện của TTT. TTT bao gồm:</p> <p>Các khái niệm về giác quan, ví dụ <i>nhìn, nghe, cảm, ngửi</i>;</p> <p>Các khái niệm về cơ thể, ví dụ <i>khát, đói, mệt, đau, rên</i>;</p> <p>Các khái niệm về ý thức, ví dụ <i>sống, tỉnh, ngủ</i>;</p> <p>Các khái niệm về cảm xúc, ví dụ <i>buồn, vui, sung sướng, giận, lo lắng, thất vọng, sợ, hoảng hốt, kiêu hãnh, can đảm, (cảm giác) an toàn, hài lòng, ngạc nhiên</i>;</p> <p>Động từ tả hoạt động trí óc, ví dụ <i>muốn, nghĩ, biết, quên, quyết định, tin, băn khoăn, định</i>;</p> <p>Động từ phát ngôn, ví dụ <i>nói, gọi, kêu, chình cáo, hỏi</i>.</p>
-----	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phần II: Khả năng Hiểu

		Ví dụ câu trả lời đúng	Ví dụ câu trả lời sai	Điểm
0	Con có thích câu chuyện không?	Câu hỏi khởi đầu, không tính điểm		
D1.	Tại sao chim mẹ bay đi? (chỉ vào hình 1 - 2) (Đoạn 1: Mục tiêu/ TTT khởi đầu)	Muốn có/ đem đồ ăn/ giun cho chim con/ (ĐỂ) + ĐỘNG TỪ (cho chim con ăn) Chim con đói bụng	Bỏ đi/ đi làm Đi tìm chim bố/ba Bị hoảng/sợ	0 1
D2.	Chim con cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 1) (TTT khởi đầu)	Không vui/ đói bụng Muốn ăn	Tốt/ vui/ sung sướng/ ngạc nhiên/ cô đơn một mình/ sợ	0 1
D3.	(Chỉ hỏi D3 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D2. Nếu trẻ giải thích đúng ở D2 thì cho một điểm ở D3 và hỏi tiếp ở D4.) Tại sao con lại nghĩ là chim con cảm thấy không vui/ đói bụng ...? ¹³	Miệng/mở há ra/ đòi ăn Đang la: “Chúng con muốn ăn/ đang đói bụng” Chim mẹ đi kiếm đồ ăn/ chim mẹ quay lại với một con giun cho chim con ăn Chim con luôn đói (nghĩa chung)	Chúng vui sướng/ hót/ Muốn đi cùng mẹ/ Sợ mèo/ sợ vì nhìn thấy con mèo Không vui/ sợ vì chim mẹ bay đi mất	0 1
D4.	Tại sao con mèo trèo lên cây? (chỉ vào hình 3) (Đoạn 2: Mục tiêu)	Muốn bắt/ giết/ ăn thịt chim con/ Muốn thịt chim con (ĐỂ) + ĐỘNG TỪ (bắt, giết, ăn) chim con Không thể bỏ qua chim con/ lợi dụng cơ hội khi chim mẹ bay đi/ mất Mèo thích ăn/ bắt chim (nghĩa chung)	Để chơi với chim con	0 1
D5.	Con mèo cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 5-6) (TTT phản ứng)	Không vui/ (vẫn) đói/ giận/ tức/ buồn/ sợ/ đau/ ngu ngốc/ thất vọng	Tốt/ ổn/ vui/ nghịch ngợm/ chạy tung tăng	0 1

¹³ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D2.

D6.	(Chỉ hỏi D6 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D5. Nếu trẻ giải thích đúng ở D5 thì cho một điểm ở D6 và hỏi tiếp D7.) Tại sao con lại nghĩ là con mèo thấy không vui/đói/ sợ...? ¹⁴	Không bắt được chim con/ không thành công Sợ chó chó Con chó tấn công/ cắn/ đuổi nó/ kéo/ cắn đuôi mèo <i>Nếu câu trả lời ở D5 là "không vui/ tức giận", thì câu trả lời ở D6 cũng có thể là: vẫn đói.</i>	Vui sướng/ mừng rỡ/ bắt đầu bay/ nhìn như thế Chó lấy đồ ăn của mèo/ Cho muốn ăn mèo Con không biết	0 1
D7.	Tại sao con chó lấy đuôi con mèo? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 3: Mục tiêu)	Quyết định/ muốn cứu/ giải thoát/ giúp/ bảo vệ chim con Quyết định/ muốn chặn con mèo/ bắt buộc con mèo thả chim ra (ĐỂ) + ĐỘNG TỪ (giải thoát, cứu, giúp, bảo vệ) Sao cho chim con không bị ăn thịt/ giết/ bị thương	Muốn một mình ăn chim con/ Muốn ăn con mèo/ Muốn chơi với con mèo Chó ghét/ không thích mèo (nghĩa chung)	0 1
D8.	Thử tưởng tượng con chó nhìn thấy chim. Con chó sẽ cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Tốt/ bình thường/ vui/ yên tâm/ hài lòng/ hãnh diện/hữu dụng Giống người bảo vệ/ anh hùng Thích bảo vệ chim	Không tốt/ tức giận/ buồn/ ngu ngốc/ đói bụng "Ta phải bắt con mèo"	0 1
D9.	(Chỉ hỏi D9 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D8. Nếu trẻ giải thích đúng ở D8 thì cho một điểm ở D9 và hỏi tiếp D10.) Tại sao con lại nghĩ là con chó thấy vui/ bình thường/ sung sướng/thoả mãn...? ¹⁵	Chặn được con mèo/ đuổi được mèo đi/ Cứu giúp/ giải thoát được chim Nhìn thấy chim an toàn/ vui vẻ/ không bị hại Giờ thì mèo sẽ không quay lại	Nó cười/ nó nhìn như thế/ Không bắt được mèo Muốn ăn thịt chim một mình Giận con mèo	0 1
D10.	Chim mẹ thích ai nhất, mèo hay chó? Tại sao?	Chó - đưa ra ít nhất một lý do (chó cứu/ giúp chim con/ đuổi mèo đi)	Mèo/ Con không biết/ trả lời không liên quan	0 1
D11.	Tổng số điểm trên 10:			

¹⁴ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D5.

¹⁵ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con bé đã đáp lời ở phần D8.

Biên bản cho Câu Chuyện Dê con
Tự kể / Kể lại / Nghe mẫu câu chuyện

Tên của trẻ: _____
Ngày tháng năm sinh: _____
Ngày đánh giá: _____
Tuổi lúc đánh giá (theo tháng): _____
Giới tính: _____
Tên người đánh giá: _____
Tiếp cận với L2 (ngôn ngữ thứ 2) (theo tháng): _____
Ngày tháng năm bắt đầu đi nhà trẻ: _____
Tên nhà trẻ: _____

Bảo đảm tất cả các phong bì đều ở trên bàn trước khi bắt đầu. Chuẩn bị thiết bị ghi âm để ghi lại buổi nói chuyện. Bắt đầu ghi âm trước khi khởi đầu.

Khởi đầu

Ví dụ hãy hỏi: Bạn thân nhất của con là ai? Con thích xem gì trên TV? Con có thích kể chuyện không? Con có thích nghe kể chuyện không?

Hướng dẫn

Hướng dẫn Tự kể chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ : *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi con kể cho thầy/cô nghe. Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa?*

Mở 2 hình đầu tiên. Nói với trẻ: *Thầy/cô muốn con tự kể câu chuyện. Hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể một câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được. Có thể dùng gợi ý nếu thấy trẻ chần chừ: “Con kể chuyện đi” (chỉ vào hình). Khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở ra 2 hình tiếp theo (lúc này, trẻ nhìn thấy được hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: “Còn gì khác nữa không?”, “Nói tiếp đi”, “Kể nữa đi”, “Hãy xem còn gì nữa trong chuyện này vậy”. Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: “Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé”.*

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn Kể Lại chuyện

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe. Sau đó, mở những bức hình sao cho riêng trẻ nhìn được cả câu chuyện. Tiếp tục nói: Con hãy nhìn vào toàn bộ hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó con sẽ kể lại nhé. (Còn nếu chọn phương cách Nghe mẫu thì nói: Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó sẽ hỏi con một số câu hỏi nhé. Kể cho trẻ nghe câu chuyện*

và sau đó đặt những câu hỏi về khả năng hiểu câu chuyện.)

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây:* (chỉ vào hình 1). *Một hôm có một con dê mẹ nhìn thấy dê con của mình bị ngã xuống nước và dê con rất sợ hãi. Dê mẹ nhảy xuống nước vì muốn cứu dê con. Một con cáo đói bụng nhìn thấy dê mẹ đang ở trong nước, thì gầm gừ: "Mmm, tuyệt, tôi thấy gì trên bãi cỏ đây?"*

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Dê mẹ đẩy dê con ra khỏi nước, nhưng nó không nhìn thấy con cáo. Nó rất mừng vì dê con không bị chìm. Trong lúc đó, con cáo dữ tợn nhảy đến vì nó muốn bắt con dê con khác. Nó vồ lấy dê con. Một con chim dũng cảm/ anh hùng bay qua nhìn thấy dê con gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn cáo lại và cứu dê con.*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Chim nói với cáo: "Thả dê con ra!" Sau đó nó lao xuống và mổ vào đuôi cáo. Cáo buông dê con ra và chim đuổi nó chạy đi. Chim rất mừng vì đã cứu được dê con, còn cáo ta thì vẫn đói bụng.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Mở 2 hình đầu tiên cho một mình trẻ nhìn thấy. Nói với trẻ: "*Bây giờ thầy/cô muốn con kể lại câu chuyện. Con hãy nhìn vào các hình và cố gắng kể câu chuyện hay nhất mà con có thể kể được.*" Có thể dùng gợi ý nếu trẻ chần chừ: "*Con kể chuyện đi*" (chỉ vào hình). Sau khi trẻ kể xong 2 hình đầu tiên, mở tiếp hình (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). Tiếp tục quá trình như vậy cho đến khi kết thúc câu chuyện. Những gợi ý có thể dùng nếu trẻ im lặng ở giữa câu chuyện: "*Còn gì nữa không?*", "*Tiếp đi*", "*Kể thêm đi*", "*Để xem còn gì trong chuyện nữa nào*". Nếu trẻ dừng mà không cho biết là đã kể xong, hãy hỏi: "*Cho thầy/cô biết khi nào con kể xong nhé.*"

Khi trẻ đã xong, hãy khen trẻ và sau đó đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Hướng dẫn cho Nghe mẫu

Ngồi đối diện trẻ. Nói với trẻ: *Nhìn này, đây là 3 cái phong bì. Trong mỗi phong bì có một câu chuyện khác nhau. Con chọn một đi rồi thầy/cô sẽ kể cho con nghe.* Mở toàn bộ một chuỗi hình ra, sao chỉ một mình trẻ nhìn thấy được. Tiếp tục nói: *Con hãy nhìn vào toàn bộ câu chuyện trong hình. Con đã sẵn sàng chưa? Thầy/cô sẽ kể câu chuyện cho con và sau đó thầy/cô sẽ hỏi con một số câu hỏi về câu chuyện.*

Mở hình 1 và 2. *Câu chuyện bắt đầu từ đây:* (chỉ vào hình 1). *Một hôm có một con dê mẹ nhìn thấy dê con của mình bị ngã xuống nước và dê con rất sợ hãi. Dê mẹ nhảy xuống nước vì muốn cứu dê con. Một con cáo đói bụng nhìn thấy dê mẹ đang ở trong nước, thì gầm gừ: "Mmm, tuyệt, tôi thấy gì trên bãi cỏ đây?"*

Mở hình 3 và 4 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 4). *Dê mẹ đẩy dê con ra khỏi nước, nhưng nó không nhìn thấy con cáo. Nó rất mừng vì dê con không bị chìm. Trong lúc đó, con cáo dữ tợn nhảy đến vì nó muốn bắt con dê con khác. Nó vồ lấy dê con. Một con chim dũng cảm/ anh hùng bay qua nhìn thấy dê con gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn cáo lại và cứu dê con.*

Mở hình 5 và 6 (sao cho trẻ nhìn được các hình từ 1 đến 6). *Chim nói với cáo: "Thả dê con ra!" Sau đó nó lao xuống và mổ vào đuôi cáo. Cáo buông dê con ra và chim đuổi nó chạy đi. Chim rất mừng vì đã cứu được dê con, còn cáo ta thì vẫn đói bụng.*

Và câu chuyện đến đây là hết.

Sau khi nói: "*Và câu chuyện đến đây là hết*", hãy đặt câu hỏi hiểu câu chuyện.

Bảng chấm điểm cho Câu Chuyện Dê con

Phần I: Tạo dựng

A. Cấu trúc câu chuyện; B. Độ phức tạp của cấu trúc; C. Tả tâm trạng (TTT)

A. Cấu trúc chuyện

		Ví dụ Câu trả lời Đúng ¹⁶	Điểm
A1.	Bối cảnh	Thời gian và/hoặc địa điểm được nhắc đến, VD: ngày xưa, ngày xưa, một hôm, lâu lắm rồi... ở trong rừng/ trên đồng cỏ/ bên cánh ruộng/ cạnh hồ/ tại hồ/ tại ao	0 1 2 ¹⁷
<i>Đoạn 1: Mẹ/ Dê (Các nhân vật trong đoạn này: dê con và mẹ/ dê)</i>			
A2.	TTT khởi đầu	Dê con sợ hãi/ gặp nguy hiểm/ cần giúp/ kêu (cứu)/ gọi mẹ <Mẹ/ Dê mẹ... > nhìn thấy dê con sợ/ gặp nguy hiểm/ đang chìm/ không biết bơi <Mẹ/ Dê mẹ... > lo lắng cho dê con ở dưới nước	0 1
A3.	Mục tiêu (M)	Dê mẹ muốn giúp con/ cứu/ đẩy con ra khỏi nước/ đưa con ra khỏi nước (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (cứu, giúp) dê con	0 1
A4.	Nỗ lực (N)	Dê mẹ chạy/ đi xuống nước Dê mẹ đang đẩy/ giúp Dê mẹ cố gắng + ĐỘNG TỪ (giúp, đẩy)	0 1
A5.	Kết quả (K)	Dê mẹ đẩy dê con ra khỏi nước/ cứu/ giúp được dê con lên Dê con được cứu/ ra khỏi nước	0 1
A6.	TTT Phản ứng	Dê mẹ vui/ yên tâm Dê con yên tâm/ thỏa mãn/ vui/ mừng/ hết sợ	0 1
<i>Đoạn 2: Cáo (Các nhân vật trong đoạn này: Cáo và dê con)</i>			
A7.	TTT khởi đầu	Cáo thấy dê mẹ nhìn đi chỗ khác/ thấy dê con một mình/ thấy có đồ ăn Cáo đói bụng/ suy nghĩ “ngon tuyệt”	0 1
A8.	Mục tiêu (M)	Cáo muốn ăn thịt/ bắt giết dê con (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (ăn, bắt, chộp, giết)	0 1
A9.	Nỗ lực (N)	Cáo nhảy đến/ nhảy lên/ nhảy về phía dê con Cáo cố vươn tới/ vồ/ bắt dê con	0 1

¹⁶ Nếu không rõ chắc đúng sai hoặc lời đáp của trẻ không nằm trong bảng tính điểm này, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.

¹⁷ 0 điểm nếu trả lời sai hoặc không có trả lời, 1 điểm cho một câu trả lời đúng, 2 điểm cho câu trả lời có đề cập đến cả thời gian và địa điểm.

A10.	Kết quả (K)	Cáo vồ/ chụp/ bắt được dê con Cáo gần như/ sắp sửa + ĐÔNG TỪ (vồ, bắt)	0 1
A11.	TTT Phản ứng	Cáo vui sướng Dê con sợ/ kêu khóc/ gào thét đau đớn/ la lên đau	0 1
<i>Đoạn 3: Chim (Nhân vật trong phân cảnh: chim, cáo, và dê con)</i>			
A12.	TTT khởi đầu	< Chim, quạ, v.v. > nhìn thấy dê gặp nguy hiểm/ nhìn thấy cáo vồ/ bắt dê con Dê con gặp nguy hiểm	0 1
A13.	Mục tiêu (M)	Chim quyết định/ muốn chặn cáo lại Chim quyết định/ muốn giúp/ bảo vệ/ cứu dê con (ĐỀ) + ĐÔNG TỪ (chặn, cứu, giúp)	0 1
A14.	Nỗ lực (N)	Chim đã/đang mổ/cắn / kéo đuôi cáo/con cáo Chim mổ/cắn kéo/ lấy được đuôi cáo/ tấn công cáo Chim cố gắng + ĐÔNG TỪ (đuổi cáo đi)	0 1
A15.	Kết quả (K)	Chim đuổi được cáo (đi)/ hù/ dọa đuổi cáo đi Cáo buông dê con ra/ chạy mất Dê con được cứu/ giải thoát	0 1
A16.	TTT Phản ứng	Chim yên tâm/ vui sướng/ hãnh diện vì cứu được dê con Cáo tức giận/ thất vọng/ không vui/ bực/ sợ/ bị đau/ đuổi cáo đau (các) Dê con yên tâm/ vui sướng/ an toàn Dê mẹ yên tâm/ mừng rỡ	0 1
A17.	Tổng số điểm trên 17:		

B. Độ phức tạp của cấu trúc

Số lượng chuỗi NK	Số lượng M một mình (không có H hoặc N)	Số lượng chuỗi MN / MK	Số lượng chuỗi MNK
B1.	B2.	B3.	B4.

C. Tả tâm trạng (TTT)

C1.	<p>Tổng số các xuất hiện của TTT. TTT bao gồm:</p> <p>Các khái niệm về giác quan, ví dụ <i>nhìn, nghe, cảm, ngửi</i>;</p> <p>Các khái niệm về cơ thể, ví dụ <i>khát, đói, mệt, đau</i> ; rên;</p> <p>Các khái niệm về ý thức, ví dụ <i>sống, tỉnh, ngủ</i>;</p> <p>Các khái niệm về cảm xúc, ví dụ <i>buồn, vui, sung sướng, giận, lo lắng, thất vọng, sợ, hoảng hốt, kiêu hãnh, can đảm, (cảm giác) an toàn, hài lòng, ngạc nhiên</i>;</p> <p>Động từ tả hoạt động trí óc, ví dụ <i>muốn, nghĩ, biết, quên, quyết định, tin, băn khoăn, định</i>;</p> <p>Động từ phát ngôn, ví dụ <i>nói, gọi, kêu, chình cáo, hỏi</i>.</p>
-----	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phần II: Nghe Hiểu

		Ví dụ câu trả lời đúng	Ví dụ câu trả lời sai	Điểm
0	Con có thích câu chuyện không ?	Câu hỏi khởi đầu, không tính điểm		
D1.	Tại sao dê mẹ ở dưới nước? (chỉ vào hình 1 - 2) (Đoạn 1: Mục tiêu/ TTT khởi đầu)	Muốn cứu/ giúp/ giải thoát cho dê con/ dê con (để) + ĐỘNG TỪ (giúp, cứu, giải thoát) dê con Lo lắng cho dê con Dê con kêu cứu/ gặp nguy hiểm/ sợ	Bơi/ chơi/ muốn tắm/ muốn tắm cho dê con Ngâm mình cho mát/ Uống nước	0 1
D2.	Dê con cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 1) (TTT khởi đầu)	Không vui/ sợ/ gặp nguy hiểm/ hoảng loạn Muốn được cứu	Tốt/ vui/ sung sướng/ đang chơi/ rét cóng/ tươi tỉnh/ lạnh/ đói/ khát/ bẩn/ sạch/ ngu ngốc	0 1
D3.	(Chỉ hỏi D3 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D2. Nếu trẻ giải thích đúng ở D2 thì cho một điểm ở D3 và hỏi tiếp ở D4.) Tại sao con nghĩ là dê con cảm thấy không vui/ sợ/ gặp nguy hiểm ...? ¹⁸	Đã ngã xuống nước/ không ra được khỏi nước/ đang chìm/ không biết bơi La lên/ hét lên: "Cứu tôi, tôi sắp chìm!" Dê con không biết bơi (nghĩa chung)	Đói bụng/ khát/ bơi/ nghịch chơi trong nước/ không cho phép đứng đó	0 1
D4.	Tại sao con cáo nhảy lên? (chỉ vào hình 3) (Đoạn 2: Mục tiêu)	Muốn bắt/ giết/ ăn thịt dê con/ Thèm muốn dê con (để) + ĐỘNG TỪ (lấy, giết) dê con không cưỡng lại được việc muốn ăn thịt dê con/ lợi dụng thời cơ dê mẹ không để ý/ ở xa Cáo thích ăn dê (con) (nghĩa chung)	Để chơi với dê	0 1
D5.	Con cáo cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 5-6) (TTT phản ứng)	Không vui/ (vẫn) đói/ giận/ tức/ buồn/ sợ/ bị đau/ ngu ngốc/ thất vọng	Tốt/ ổn/ vui/ nghịch ngợm, chạy tung tăng	0 1

¹⁸ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D2.

D6.	(Chỉ hỏi D6 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D5. Nếu trẻ giải thích đúng ở D5 thì cho một điểm ở D6 và hỏi tiếp D7.) Tại sao con nghĩ là con cáo thấy không vui/đói/ sợ/ thất vọng ...? ¹⁹	Không bắt được dê con/ không thành công Hoảng/ sợ chim Con chim tấn công/ mổ/ đuổi nó/ cắn đuôi cáo	Cáo chạy đi/có vẻ như thế Chim lấy đồ ăn của cáo Chim muốn ăn cáo Con không biết	0 1
D7.	Tại sao con chim mổ/cắn đuôi con cáo? (chỉ vào hình 5) (Đoạn 3: Mục tiêu)	Quyết định/ muốn cứu/ giải thoát/ giúp/ bảo vệ dê con Quyết định/ muốn chặn con cáo/ bắt cáo phải buông dê ra/ (ĐỀ) + ĐỘNG TỪ (cứu, giải nguy, giúp) Sao dê con khỏi phải bị ăn thịt/ giết/ bị thương	Muốn một mình ăn dê Muốn ăn cáo Chơi với con cáo Chim ghét/ không thích cáo (nghĩa chung)	0 1
D8.	Thử tưởng tượng là con chim nhìn thấy các con dê. Con chim sẽ cảm thấy thế nào? (chỉ vào hình 6) (TTT phản ứng)	Tốt/ vui/ yên tâm/ tốt/hài lòng/ thỏa mãn/ tự hào/ hữu ích Như một người bảo vệ / anh hùng Thích che chở chúng nó	Không vui/ buồn / giận / giận dữ/ có lỗi/ ngu ngốc / đói "Mình phải bắt con cáo cho được"	0 1
D9.	(Chỉ hỏi D9 nếu trẻ trả lời đúng mà không giải thích/ phân tích ở D8. Nếu trẻ giải thích đúng ở D8 thì cho một điểm ở D9 và hỏi tiếp D10.) Tại sao con nghĩ là con chim thấy vui...? ²⁰	Chặn được con cáo/ đuổi được cáo đi Cứu/giúp được dê Nhìn thấy dê an toàn/ vui sướng/ không bị hại Cáo không quay lại	Nó đang cười/ nhìn như thế Không đuổi được cáo Nó muốn một mình ăn thịt dê con Nó giận con cáo	0 1
D10.	Dê mẹ thích ai nhất, cáo hay chim? Tại sao?	Chim - đưa ra ít nhất một lí do (chim cứu/ giúp dê con/ đuổi cáo đi/ tốt lòng với mấy con dê)	Con cáo/ Con không biết/ bất kỳ một câu trả lời không liên quan khác	0 1
D11.	Tổng số điểm trên 10:			

¹⁹ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con đã đáp lời ở phần D5.

²⁰ Hãy dùng cùng từ ngữ TTT mà con bé đã đáp lời ở phần D8.

Câu Hỏi dành cho Phụ Huynh

1. Tên của trẻ (tên, họ) _____

2. Ngày tháng năm sinh _____

3. Trẻ có đang đi học mầm non/ tiểu học không?

Có, học mầm non
từ _____ (Năm, Tháng)

Không

Có, học tiểu học
từ _____ (Năm, Tháng)

Không

Nếu có, loại hình của trường mầm non?

- Song ngữ
- Đơn ngữ L1 = tiếng mẹ đẻ của trẻ
- Đơn ngữ L2 = tiếng thứ hai của trẻ
- Nếu khác hơn trên, vậy đó là gì?

Nếu có, loại của trường tiểu học?

- Song ngữ
- Đơn ngữ L1 = tiếng mẹ đẻ của trẻ
- Đơn ngữ L2 = tiếng thứ hai của trẻ
- Nếu khác hơn trên, vậy đó là gì?

4. Trẻ được sinh ra ở đâu?

- Nước của L1, nước nào? _____
- Nước của L2, nước nào? _____
- Nước khác, nước nào? _____

5. Trẻ sống ở nước của L2 từ khi nào? _____ (Năm, Tháng)

6. Trẻ là con thứ mấy?

- 1 2 3 Thứ khác (viết số) _____

7. Trẻ bắt đầu biết nói từ đầu tiên lúc mấy tuổi? ____ tuổi ____ tháng

8. Anh/chị có từng lo lắng về ngôn ngữ của trẻ không?

- Không Có, vì sao? _____

9. Có ai trong gia đình anh/chị gặp khó khăn về ngôn ngữ và lời nói không?

- Không Có, ai? _____
ví dụ: cha, mẹ, anh chị em

10. Trẻ có bao giờ gặp vấn đề về thính giác không?

Khiếm thính (không nghe rõ) Viêm tai thường xuyên

- Không Không
- Có Có, bao nhiêu lần? _____
- cây ống cao su chống viêm trong tai

11. Anh/chị có cho rằng trẻ nghe bình thường không?

- Không Có

12. Thông tin về cha mẹ

	Tiếng mẹ đẻ của cha/ mẹ (L1)	Tiếng thứ hai của cha/ mẹ (L2)	Các tiếng khác của cha/ mẹ nói	Cha/ mẹ đã ở nước X được bao lâu	Trình độ học vấn của cha/ mẹ	Nghề nghiệp của cha/ mẹ

Mẹ Phụ huynh 1						
Cha Phụ huynh 2						

13. Anh/chị nói với trẻ bằng ngôn ngữ nào?

Mẹ/ Phụ huynh 1

- Ngôn ngữ mẹ đẻ (L1)
- Ngôn ngữ thứ 2 (L2)
- Cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai
- (Các) ngôn ngữ khác, tiếng ngôn ngữ đó:

Cha/ Phụ huynh 2

- Ngôn ngữ mẹ đẻ (L1)
- Ngôn ngữ thứ 2 (L2)
- Cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai
- (Các) ngôn ngữ khác, tiếng ngôn ngữ đó:

14. Hiện trẻ đang nói những tiếng nào?

- L1 của trẻ, là tiếng: _____
- L2 của trẻ, là tiếng: _____
- Tiếng khác nữa của trẻ, là tiếng: _____

15. Trẻ được tiếp xúc với những tiếng nào?

- L1 của trẻ
- L2 của trẻ
- Tiếng khác, đó là: _____

16. Trẻ bắt đầu tiếp xúc với L2 lúc mấy tuổi?

- Từ lúc sinh ra
- Trước 1 tuổi
- Trước 2 tuổi
- Trước 3 tuổi
- Trước 5 tuổi
- Từ tuổi _____

17. Trẻ tiếp xúc với L2 ở

- Mẫu giáo hoặc trường học
- Với bạn bè
- Với anh chị em/ bố mẹ/ họ hàng khác
- TV/ máy tính/ sách
- Các tiếp xúc khác _____

18. Đánh giá, theo phần trăm, lượng thời gian trẻ tiếp xúc với các ngôn ngữ khác nhau trong ngày (gộp tất cả các hoạt động trong ngày)

Tiếng mẹ đẻ của trẻ (L1)	Ngôn ngữ thứ 2 của trẻ (L2)	Các ngôn ngữ khác
<input type="radio"/> 25%	<input type="radio"/> 25%	<input type="radio"/> 25%
<input type="radio"/> 50%	<input type="radio"/> 50%	<input type="radio"/> 50%
<input type="radio"/> 75%	<input type="radio"/> 75%	<input type="radio"/> 75%
<input type="radio"/> 100%	<input type="radio"/> 100%	<input type="radio"/> 100%

19. Xin hãy đánh dấu vào ô thích hợp để đánh giá khả năng ngôn ngữ của trẻ

	Rất tốt	tốt	Tồi	Rất tồi
Trẻ hiểu tốt tiếng mẹ đẻ (L1) như thế nào				
Trẻ hiểu tốt tiếng thứ hai (L2) như thế nào				
Trẻ nói tốt tiếng mẹ đẻ (L1) như thế nào				

Trẻ nói tốt tiếng thứ hai (L2) như thế nào								
20. Theo ý anh/chị trẻ nói tốt tiếng nào nhất? <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> L1 của trẻ <input type="radio"/> L2 của trẻ <input type="radio"/> Tiếng khác, đó là _____ 								
21. Theo ý anh/chị, trẻ có thích một ngôn ngữ nào đây hơn các ngôn ngữ còn lại không? <ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/> Không <input type="radio"/> Có, là tiếng nào? 								
22. Xin chỉ ra độ thường xuyên của những hoạt động sau đây được trẻ thực hiện trong một tháng vừa rồi	Tiếng mẹ đẻ (L1)				Ngôn ngữ thứ hai (L2)			
	Không bao giờ	Hai lần mỗi tháng	Một đến hai lần trong tuần	Gần như mỗi ngày	Không bao giờ	Hai lần mỗi tháng	Một đến hai lần trong tuần	Gần như mỗi ngày
Kể chuyện								
Đọc sách								
Nghe nhạc hoặc ca hát								
Xem phim/ TV/ DVD/ Phim/ Trò chơi trên máy tính								

Kịch bản câu chuyện

Những kịch bản câu chuyện sau đây nhằm mục đích minh họa Nghe mẫu câu chuyện và/ hoặc Kể lại câu chuyện. Các kịch bản có cấu trúc tổng quát và cấu trúc chi tiết song song nhau và có thể được sử dụng để hướng dẫn việc chấm điểm và phân tích.

Thành phần cấu trúc chuyện và các từ tả tâm trạng trong những kịch bản dưới đây được đánh dấu như sau:

mục đích nỗ lực kết quả *từ tả tâm trạng (TTT)*

Chim con (Tổng số từ: 182)

Hình 1/ 2: Một hôm có một chim mẹ, nhìn thấy chim con *đói bụng*. Chim mẹ bay đi vì muốn tìm đồ ăn cho chúng. Một con mèo *đói bụng nhìn thấy* chim mẹ bay đi và *nghĩ*: “Thật tuyệt, tôi thấy được những gì ở trong tổ đây?”

Hình 3/ 4: Chim mẹ quay lại với một con giun to cho các con, nhưng nó không *nhìn thấy* con mèo. Nó *vui mừng* vì đã kiếm được con giun ngon lành cho chim con. Trong lúc đó, con mèo *dữ dãn* bắt đầu trèo lên cây vì nó muốn bắt một con chim con. Nó vồ được một con chim con. Một con chó *dững cảm* đi ngang qua *nhìn thấy* chim gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn con mèo và cứu chim.

Hình 5/ 6: Nó *nói* với con mèo: “Hãy thả chim con ra”. Sau đó nó vồ lấy đuôi con mèo và kéo nó xuống. Con mèo buông ra con chim con và con chó đuổi nó đi. Con chó rất *vui mừng* vì đã cứu được chim. Còn con mèo thì vẫn *đói bụng*.

Dê con (Tổng số từ: 175)

Hình 1/ 2: Một hôm có một con dê mẹ *nhìn thấy* dê con của mình bị ngã xuống nước và dê con rất *sợ hãi*. Dê mẹ nhảy xuống nước vì muốn cứu dê con. Một con cáo *đói bụng nhìn thấy* dê mẹ đang ở trong nước, thì *gặm gù*: "Mmm, tuyệt, tôi thấy gì trên bãi cỏ đây?"

Hình 3/ 4: Dê mẹ đẩy dê con ra khỏi nước, nhưng nó không *nhìn thấy* con cáo. Nó rất *mừng* vì dê con không bị chìm. Trong lúc đó, con cáo *dữ tận* nhảy đến vì nó muốn bắt con dê con khác. Nó vồ lấy dê con. Một con chim *dững cảm/ anh hùng* bay qua *nhìn thấy* dê con gặp nguy hiểm. Nó quyết định chặn cáo lại và cứu dê con.

Hình 5/ 6: Chim *nói* với cáo: "Thả dê con ra!" Sau đó nó lao xuống và mổ vào đuôi cáo. Cáo buông dê con ra và chim đuổi nó chạy đi. Chim rất *mừng* vì đã cứu được dê con, còn cáo ta thì vẫn *đói bụng*.

Mèo (Tổng số từ: 211)

Hình 1/ 2: Một hôm có một con mèo *ngịch ngợm* nhìn thấy một con bướm vàng đậu trên bụi cây. Mèo nhảy đến vì nó muốn bắt con bướm. Đúng lúc đấy một cậu bé *vui vẻ* đang trên đường đi câu cá về. Cậu bé cầm một cái xô và một quả bóng/trái banh. Cậu *nhìn* con mèo đuổi theo con bướm.

Hình 3/ 4: Con bướm bay và đi mất còn con mèo ngã vào trong bụi cây. Nó bị *đau* và rất *tức giận*. Cậu bé bị *giật mình* đến nỗi làm rơi quả bóng/trái banh khỏi tay. Lúc *nhìn thấy* quả bóng/trái banh của mình lăn xuống nước, cậu bé *kêu lên*: "Ồi, bóng/banh lăn xuống nước rồi". Cậu bé rất *buồn* và muốn lấy lại quả bóng/trái banh. Trong khi đó con mèo *để ý* thấy cái xô của cậu bé và *nghĩ*: "Minh muốn lấy một con cá."

Hình 5/ 6: Cùng lúc đó cậu bé bắt đầu kéo quả bóng/trái banh ra khỏi nước bằng cái cần câu của mình. Cậu không *để ý* thấy con mèo đã lấy một con cá. Cuối cùng thì con mèo rất *vui sướng* vì đã ăn được một con cá ngon lành, còn cậu bé *vui mừng* vì đã lấy lại được quả bóng/trái banh.

Chó (Tổng số từ: 217)

Hình 1/ 2: Một hôm có một con chó *ngịch ngợm* nhìn thấy một con chuột xám ngồi ở gần một cái cây. Nó nhảy đến vì muốn bắt con chuột. Đúng lúc đó một cậu bé *vui vẻ* đang trên đường đi mua đồ về. Cậu bé cầm một cái túi và một quả bóng bay/ bong bóng trên tay. Cậu *nhìn* con chó đuổi theo con chuột.

Hình 3/ 4: Con chuột chạy và đi mất còn con chó đâm vào gốc cây. Nó bị *đau* và rất *tức giận*. Cậu bé thì bị *giật mình* đến nỗi làm tuột quả bóng bay/ bong bóng khỏi tay. Lúc *nhìn thấy* quả bóng của mình bay lên cây, cậu bé *kêu lên*: "Ồi, bóng bay lên cây rồi". Cậu bé rất *buồn* và muốn lấy lại quả bóng/bong bóng. Trong khi đó con chó *để ý* thấy cái túi của cậu bé và *nghĩ*: "Minh muốn lấy một cái xúc xích."

Hình 5/ 6: Cùng lúc đấy cậu bé bắt đầu kéo quả bóng bay/ bong bóng xuống khỏi cái cây. Cậu không *để ý* thấy con chó đã lấy một cái xúc xích. Cuối cùng con chó rất *vui sướng* vì đã ăn được một cái xúc xích ngon lành còn cậu bé *vui mừng* vì lấy lại được quả bóng bay/ bong bóng.